



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



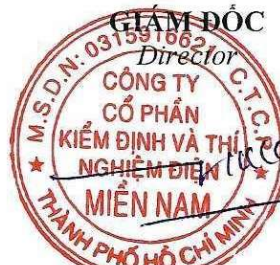
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 906/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 15/05/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI Số 01 KP1, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	
2. Địa chỉ kiểm tra: <i>Place of inspecting:</i>	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: <i>Type of inspecting:</i>	Sào thao tác cao thế/ <i>High voltage insulation pole</i>	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 thiết bị/ <i>01 Devices</i> ; Di động ngoài công trường/ <i>Mobile off-site</i>	
5. Phương pháp kiểm tra: <i>Method of inspecting:</i>	ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	15/05/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	VTT -1/5
	Số chế tạo / <i>Seri No</i>	Không rõ/ NA
	Điện áp sử dụng/ <i>AC. Use voltage:</i>	Không rõ/ NA
	Chiều dài/ <i>Length:</i>	6.000mm
	Đường kính/ <i>Diameter:</i>	29,4/33/37/41/45mm
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	Không rõ/ NA
8. Phương tiện kiểm tra: <i>Inspecting equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.	
	9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	
10. Kết quả kiểm tra: <i>Inspecting result:</i>	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
11. Tem kiểm tra: <i>Testing stamp No:</i>	542/25/ETSC	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ <i>The inspection criteria are consistent with the regulations</i>	
13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 05/2026 <i>Recommended next testing period:</i>		

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn





Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ *Check out the outside condition:* Bình thường/ *Normal*

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ *Check geometric dimensions:*

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ <i>Length</i>	mm	6.000	6.000
2	Đường kính/ <i>Diameter</i>	mm	29,4/33/37/41/45	29,4/33/37/41/45

10.3 Điện trở cách điện/ *Insulation resistance:*

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ <i>Before trying so high</i> (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ <i>After trying so high</i> (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vỏ (Case), thử tần số 50Hz	> 50.000	> 50.000	Đạt/ <i>Pass</i>

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ *Industrial frequency alternating voltage:*

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vỏ (Case), thử tần số 50Hz	100kV/30cm	5	Chịu được/ <i>Pass</i>	Không phóng điện/ <i>No discharge inspection</i>